Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 7314.12.00

Mã HS	7314.12.00
Mô tả hàng hóa	Tấm đan (kể cả đai liền), phên, lưới và rào, làm bằng dây sắt hoặc thép; sản phẩm dạng lưới được tạo hình bằng phương pháp đột dập và kéo giãn thành lưới bằng sắt hoặc thép / - Tấm đan dệt thoi: / - - Loại đai liền dùng cho máy móc, bằng thép không gỉ
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	05/11/2026 23:21:10
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/73141200/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	22.5	22,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K11795
Thuế NK ưu đãi (MFN)	15	15%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N11795
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q11795
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E11142
ATIGA	2022	2022	0	AT!E11085
ATIGA	2023	2023	0	AT!F11085
ATIGA	2024	2024	0	AT!G11085
ATIGA	2025	2025	0	AT!H11085
ATIGA	2026	2026	0	AT!I11085
ATIGA	2027	2027	0	AT!J11085
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E11137
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F11137

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G11137
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H11137
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I11137
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J11137
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E11138
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F11138
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G11138
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H11138
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I11138
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J11138
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F11141
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H11091
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F11097
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G11097
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H11097
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I11097
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J11097
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K11097
VKFTA	2022	2022	0	VK!E11128
VKFTA	2023	2023	0	VK!F11128
VKFTA	2024	2024	0	VK!G11128
VKFTA	2025	2025	0	VK!H11128
VKFTA	2026	2026	0	VK!I11128
VKFTA	2027	2027	0	VK!J11128
VCFTA	2022	2022	0	VC!D11175
VCFTA	2023	2023	0	VC!E11175

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F11175
VCFTA	2025	2025	0	VC!G11175
VCFTA	2026	2026	0	VC!H11175
VCFTA	2027	2027	0	VC!I11175
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D11160
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E11160
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F11160
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G11160
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H11160
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I11160
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D11160
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E11160
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F11160
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G11160
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H11160
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I11160
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D11177
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E11177
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F11177
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G11177
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H11177
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I11177
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D11176
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E11176
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F11176
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G11176

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H11176
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I11176
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D11123
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E11123
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F11123
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G11123
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H11123
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I11123
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J11123
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D11160
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E11160
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F11160
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G11160
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H11160
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I11160
RCEP B	2022	2022	0	B!D11160
RCEP B	2023	2023	0	B!E11160
RCEP B	2024	2024	0	B!F11160
RCEP B	2025	2025	0	B!G11160
RCEP B	2026	2026	0	B!H11160
RCEP B	2027	2027	0	B!I11160
RCEP C	2022	2022	0	C!D11160
RCEP C	2023	2023	0	C!E11160
RCEP C	2024	2024	0	C!F11160
RCEP C	2025	2025	0	C!G11160
RCEP C	2026	2026	0	C!H11160

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I11160
RCEP D	2022	2022	0	D!D11159
RCEP D	2023	2023	0	D!E11159
RCEP D	2024	2024	0	D!F11159
RCEP D	2025	2025	0	D!G11159
RCEP D	2026	2026	0	D!H11159
RCEP D	2027	2027	0	D!I11159
RCEP E	2022	2022	0	E!D11163
RCEP E	2023	2023	0	E!E11163
RCEP E	2024	2024	0	E!F11163
RCEP E	2025	2025	0	E!G11163
RCEP E	2026	2026	0	E!H11163
RCEP E	2027	2027	0	E!I11163
RCEP F	2022	2022	0	F!D11160
RCEP F	2023	2023	0	F!E11160
RCEP F	2024	2024	0	F!F11160
RCEP F	2025	2025	0	F!G11160
RCEP F	2026	2026	0	F!H11160
RCEP F	2027	2027	0	F!I11160
VIFTA	2024	2024	0	VI!F10336
VIFTA	2025	2025	0	VI!G10336
VIFTA	2026	2026	0	VI!H10336
VIFTA	2027	2027	0	VI!I10336

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 7314.12.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 15% của mã 7314.12.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N11795), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.